

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2024

V/v tranh chấp "Ly hôn,
nuôi con"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Văn Vạn;

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Trúc P, sinh năm 1992; nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện tại: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê An D, sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Huỳnh Thị Trúc P trình bày:

Chị và anh Lê An D tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian quen nhau khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới vào năm 2015. Hai bên đăng ký kết hôn vào ngày 22-12-2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, chị về sống chung gia đình anh D. Thời gian đầu, hai bên sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau. Ngoài ra, anh D chơi cờ bạc thiếu nợ, chị phải trả nợ thay nhiều lần khoảng 30.000.000 đồng, anh D còn cầm xe, rồi sau đó bán để lấy tiền cờ bạc. Do không sống được

với nhau nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống nay đã 02 năm, từ đó đến nay vợ chồng không hòa giải đoàn tụ được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có hai con là cháu cháu **Lê Huỳnh Hạo T**, sinh ngày 02-10-2017 và **Lê Huỳnh Bảo N**, sinh ngày 07-3-2016 hiện do chị **P** đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh **D** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh **Lê An D** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị **P**, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh **Lê An D** và chị **Huỳnh Thị Trúc P** tranh chấp về ly hôn; anh **D** cư trú tại **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang**. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Nguyên đơn, chị **Huỳnh Thị Trúc P** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, anh **Lê An D** không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh **D**, chị **P**.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh **Lê An D** và chị **Huỳnh Thị Trúc P** là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã **P, huyện C, tỉnh Tiền Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 22-12-2015. Theo chị **P**, chị và anh **Lê An D** tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian quen nhau khoảng 01 năm thì mới tổ chức đám cưới vào năm 2015. Sau khi cưới, chị về sống chung gia đình anh **D**. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau. Ngoài ra, anh **D** chơi cờ bạc thiếu nợ, chị phải trả nợ nhiều lần khoảng 30.000.000 đồng, anh **D** cầm xe, sau đó bán để lấy tiền cờ bạc. Do không sống được với nhau nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống nay đã 02 năm, từ đó đến nay vợ chồng không hòa giải đoàn tụ được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể đoàn tụ được nên yêu cầu được ly hôn. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do chị **P** nêu, nhưng anh **D** không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh **D** cũng không đến

Tòa đề hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy anh **D** đã không còn quan tâm đến hôn nhân với chị **P**. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” và “*vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh **D** và chị **P** đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị **P** là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo chị **P** trình bày, chị và anh **D** có hai con là cháu **Lê Huỳnh Hạo T**, sinh ngày 02-10-2017 và **Lê Huỳnh Bảo N**, sinh ngày 07-3-2016 hiện do chị **P** đang trực tiếp nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu anh **D** phải cấp dưỡng. Xét hai con hiện do chị **P** trực tiếp nuôi, cháu **N** có nguyện vọng sống cùng mẹ; anh **D** không có yêu cầu nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục giao các con chung cho chị **P** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị **P** chưa yêu cầu anh **D** phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết sau.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **D**, chị **P** đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Huỳnh Thị Trúc P** là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Huỳnh Thị Trúc P**.

- Về hôn nhân: Cho chị **Huỳnh Thị Trúc P** được ly hôn với anh **Lê An D**.

- Về con chung: Giao hai cháu **Lê Huỳnh Hạo T**, sinh ngày 02-10-2017 và **Lê Huỳnh Bảo N**, sinh ngày 07-3-2016 cho chị **Huỳnh Thị Trúc P** là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh **Lê An D** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **P** chưa yêu cầu. Anh **D** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị **Huỳnh Thị Trúc P** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002321 ngày 06-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

- Về quyền kháng cáo: Chị **Huỳnh Thị Trúc P**, anh **Lê An D** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực